

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2022

V/v “*tranh chấp không công nhận quan hệ vợ
chồng, nuôi con*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP, TỈNH PHÚ THỌ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn M.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Th.

Ông Thẩm Văn M.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kiều A - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến K- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về “*tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngọc Thị Th, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu Ao Bòng (khu 6 cũ), xã Nga Hoàng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.
(vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Quý Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu Ao Bòng (khu 6 cũ), xã Nga Hoàng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.
(vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người được ủy quyền: Ông Đỗ Cao Ph- chức vụ Phó giám đốc Agribank chi nhánh Huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ (theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2021). (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Ngân hàng chính sách xã hội.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Th - chức vụ Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ (theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2019. (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn chị Ngọc Thị Th trình bày tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2022, bản tự khai ngày 07/4/2022 và ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/4/2022 như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và anh Trịnh Quý Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng những năm gần đây bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, chị và anh Q đã tự khắc phục nhưng không có kết quả, và đã không còn

chung sống với nhau từ tháng 01/2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trịnh Quý Q.

Về con chung:

Chị xác định trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng chị và anh Trịnh Quý Q có 02 con chung là Trịnh Minh Nh, sinh ngày 25/8/2012 và Trịnh Ngọc D, sinh ngày 04/6/2019. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và chị tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung; công nợ:

Chị đề nghị Tòa án ghi vào bản án, quyết định của Tòa án nội dung thỏa thuận của chị và anh Q tại Biên bản tự thỏa thuận chia tài sản chung; công nợ chung ngày 14/4/2022 như sau:

Anh Trịnh Quý Q được quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản chung gồm:

01 thửa đất số 345, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 548,1m², địa chỉ thửa đất khu 6, xã Nga Hoàng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY972133, ủy ban nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, cấp ngày 15/7/2015; tên người sử dụng đất Trịnh Quý Q, sinh năm 1990 và Ngọc Thị Th, sinh năm 1993. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà xây cấp 4 (Toàn bộ đất và tài sản trên đất hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ).

Anh Trịnh Quý Q có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng như sau:

Trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: khu Tân An 2, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và lãi theo hợp đồng tín dụng số 2716-LAV-202102567 ngày 14/9/2021.

Trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: Khu Tân An 2, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và lãi theo sổ vay vốn mã khách hàng là 7107119499.

Anh Trịnh Quý Q có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản được hưởng cho chị Ngọc Thị Th số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Về công sức: chị Th xác định không có công sức đóng góp cho gia đình anh Q trong thời gian sống chung như vợ chồng, nên đều thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trịnh Quý Q trình bày tại bản tự khai ngày 07/4/2022 và ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/4/2022 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Ngọc Thị Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng những năm gần đây bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, anh và chị Th đã tự khắc phục nhưng không có kết quả, và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Th đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng anh và chị Ngọc Thị Th có 02 con chung là Trịnh Minh Nh, sinh ngày 25/8/2012 và Trịnh Ngọc D, sinh ngày 04/6/2019. Anh đề nghị để chị Ngọc Thị Th

được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị Ngọc Thị Th không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ngọc Thị Th, anh đồng ý.

Về tài sản chung; công nợ: anh đề nghị Tòa án ghi vào bản án, quyết định của Tòa án nội dung thỏa thuận của anh và chị Ngọc Thị Th tại Biên bản tự thỏa thuận chia tài sản chung; công nợ chung ngày 14/4/2022 như sau:

Anh Trịnh Quý Q được quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm:

01 thửa đất số 345, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 548,1m², địa chỉ thửa đất khu 6, xã Nga Hoàng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY972133, ủy ban nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, cấp ngày 15/7/2015; tên người sử dụng đất Trịnh Quý Q, sinh năm 1990 và Ngọc Thị Th, sinh năm 1993. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà xây cấp 4 (Toàn bộ thửa đất tài sản trên đất hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ).

Anh Trịnh Quý Q có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng như sau: Trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: khu Tân An 2, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và lãi theo hợp đồng tín dụng số 2716-LAV-202102567 ngày 14/9/2021. Trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: Khu Tân An 2, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và lãi theo sổ vay vốn mã khách hàng là 7107119499.

Anh Trịnh Quý Q có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản được hưởng cho chị Ngọc Thị Th số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Về công sức: chị Th không có công sức đóng góp cho gia đình bố mẹ chồng trong thời gian sống chung như vợ chồng, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan trình bày:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: Người được ủy quyền: Ông Đỗ Cao Phương- chức vụ Phó giám đốc Agribank chi nhánh Huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ trình bày:

Anh Trịnh Quý Q và chị Ngọc Thị Th có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 2716-LAV-202102567 ngày 14/9/2021, thời hạn vay là 36 tháng, lãi xuất hai bên thỏa thuận có ghi trong hợp đồng. Khi vay có thế chấp 01 thửa đất số 345, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 548,1m², địa chỉ thửa đất khu 6, xã Nga Hoàng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY972133, ủy ban nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, cấp ngày 15/7/2015; tên người sử dụng đất anh Trịnh Quý Q, sinh năm 1990 và chị Ngọc Thị Th, sinh năm 1993 và tài sản trên đất. Tính đến ngày 15/4/2022 nợ gốc hiện còn 80.000.000đồng và tiền lãi là 1.140.548đồng. Nay chị Th và anh Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập đề nghị anh Q và chị Th có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng thỏa thuận cho vay số 2716-LAV-202102567 ngày 14/9/2021. Chị Th và anh Q có thỏa thuận anh Q sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập và anh Q có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng thỏa thuận cho

vay số 2716-LAV-202102567 ngày 14/9/2021 cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam nhất trí với thỏa thuận của chị Th và anh Q.

Ngân hàng chính sách xã hội: Người được ủy quyền ông Nguyễn Xuân Thành - chức vụ giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ trình bày:

Ngày 14/4/2020 chị Th và anh Q có vay của Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đồng, thời trả nợ là 14/3/2026, lãi xuất 9%/năm theo sổ vay vốn mã khách hàng là 7107119499. Đến nay nợ gốc là 20.000.000đồng. Nay chị Th và anh Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đề nghị chị Th và anh Q có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo sổ vay vốn mã khách hàng là 7107119499. Chị Th và anh Q có thỏa thuận anh Q sử dụng toàn bộ tài sản chung là 01 thửa đất số 345, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 548,1m², địa chỉ thửa đất khu 6, xã Nga Hoàng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY972133, ủy ban nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, cấp ngày 15/7/2015; tên người sử dụng đất anh Trịnh Quý Q, sinh năm 1990 và chị Ngọc Thị Th, sinh năm 1993 và tài sản trên đất (toàn bộ tài sản hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập) và anh Q có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi theo sổ vay vốn mã khách hàng là 7107119499 cho Ngân hàng chính sách xã hội, thì Ngân hàng chính sách xã hội nhất trí với thỏa thuận của chị Th và anh Q.

- *Tại bản tự khai ngày 20/4/2022 cháu Trịnh Minh Nh: có quan điểm nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ.*

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án đề HĐXX:

Căn cứ các Điều 14, 15, 81,82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội .

Xử: không công nhận chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q: Để cho chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Trịnh Minh Nhật và Trịnh Ngọc D. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngọc Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Ngọc Thị Th, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con*”. Bị đơn anh Trịnh Quý Q có địa chỉ tại xã Nga Hoàng, huyện Yên Lập. Căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Ngọc Thị Th, bị đơn anh Triệu Quý Q và người được ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Cao Ph, ông Nguyễn Xuân Th đều vắng mặt. Tuy nhiên, chị Ngọc Thị Th và anh Triệu Quý Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/4/2022. Ông Đỗ Cao Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Ngày 20/4/2022. Ông Nguyễn Xuân Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 04/5/2022. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a,b,d khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngọc Thị Th và anh Triệu Quý Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến 01/2022 không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngọc Thị Th và anh Triệu Quý Q không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Do vậy, cần tuyên bố chị Ngọc Thị Th và anh Triệu Quý Q không phải là vợ chồng.

Về con chung: chị Ngọc Thị Th và anh Triệu Quý Q đều xác định trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Minh Nhật, sinh ngày 25/8/2012 và Trịnh Ngọc Diệp, sinh ngày 04/6/2019.

Chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q đều thỏa thuận: Chị Ngọc Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung Trịnh Minh Nh, sinh ngày 25/8/2012 và Trịnh Ngọc D, sinh ngày 04/6/2019 đến khi con đã thành niên. Anh Trịnh Quý Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ngọc Thị Th, do chị Ngọc Thị Th tự nguyện không yêu cầu.

Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp quy định của pháp luật, nên cần xử công nhận sự thỏa thuận của chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q.

Về tài sản chung, công nợ: chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q tự thỏa thuận tại Biên bản tự thỏa thuận chia tài sản chung; công nợ chung ngày 14/4/2022 và đề nghị Tòa án ghi vào bản án, quyết định của Tòa án nội dung thỏa thuận như sau:

Anh Trịnh Quý Q được quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm:

01 thửa đất số 345, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 548,1m², địa chỉ thửa đất khu 6, xã Nga Hoàng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY972133, ủy ban nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, cấp ngày 15/7/2015; tên người sử dụng đất Trịnh Quý Q, sinh năm 1990 và Ngọc Thị Th, sinh năm 1993. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà xây cấp 4 (Toàn bộ thửa đất tài sản trên đất hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ).

Anh Trịnh Quý Q có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng như sau: Trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: khu Tân An 2, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và lãi theo hợp đồng tín dụng số 2716-LAV-202102567 ngày 14/9/2021. Trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: Khu Tân An 2, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và lãi theo sổ vay vốn mã khách hàng là 7107119499.

Anh Trịnh Quý Q có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản được hưởng cho chị Ngọc Thị Th số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Ngày 20/4/2022 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo đơn đề nghị ngày 15/4/2022 của chị Ngọc Thị Th và xác định chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q có 01 thửa đất số 345, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 548,1m², địa chỉ thửa đất khu 6, xã Nga Hoàng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY972133, ủy ban nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, cấp ngày 15/7/2015; tên người sử dụng đất Trịnh Quý Q, sinh năm 1990 và Ngọc Thị Th, sinh năm 1993. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà xây cấp 4, ba gian lợp mái tôn, diện tích 110m² (Toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ) đúng như thỏa thuận của chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q.

Người được ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Cao Ph và ông Nguyễn Xuân Th đều nhất trí với sự thỏa thuận của chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự, nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó cần ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q, người được ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Cao Phương và ông Nguyễn Xuân Thành.

Về công sức: chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q đều xác định chị Ngọc Thị Th không có công sức đóng góp cho gia đình bố mẹ chồng trong thời gian sống chung như vợ chồng, nên đều thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chị Ngọc Thị Th đã thanh toán chi phí số tiền là 600.000đồng. Chị Ngọc Thị Th tự nguyện chịu cả và không đề nghị Tòa án giải quyết, đây là ý chí tự nguyện của chị Ngọc Thị Th nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Ngọc Thị Th, phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a,b,d khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngọc Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: xử không công nhận chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q:

Để cho chị Ngọc Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung Trịnh Minh Nh, sinh ngày 25/8/2012 và Trịnh Ngọc D, sinh ngày 04/6/2019 đến khi con đã thành niên. Anh Trịnh Quý Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ngọc Thị Th, do chị Ngọc Thị Th tự nguyện không yêu cầu. anh Trịnh Quý Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Ngọc Thị Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Ngọc Thị Th, anh Trịnh Quý Q và người được ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng chính sách xã hội :

Để anh Trịnh Quý Q được sở hữu và sử dụng 01 thửa đất số 345, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 548,1m², địa chỉ thửa đất khu 6, xã Nga Hoàng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY972133, ủy ban nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, cấp ngày 15/7/2015; tên người sử dụng đất Trịnh Quý Q, sinh năm 1990 và Ngọc Thị Th, sinh năm 1993. Trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4, ba gian lợp mái tôn, diện tích 110m² (Toàn thửa đất và tài sản trên đất hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ).

Anh Trịnh Quý Q có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng như sau:

Trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: khu Tân An 2, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và lãi theo hợp đồng tín dụng số 2716-LAV-202102567 ngày 14/9/2021.

Trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: Khu Tân An 2, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và lãi theo sổ vay vốn mã khách hàng là 7107119499.

Anh Trịnh Quý Q có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản được hưởng cho chị Ngọc Thị Th số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Về công sức: chị Ngọc Thị Th và anh Trịnh Quý Q thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Ngọc Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Ngọc Thị Th đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0008466 ngày 07/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Chị Ngọc Thị Th đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lập;
- Chi cục THADS huyện Yên Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn M

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Mẫu